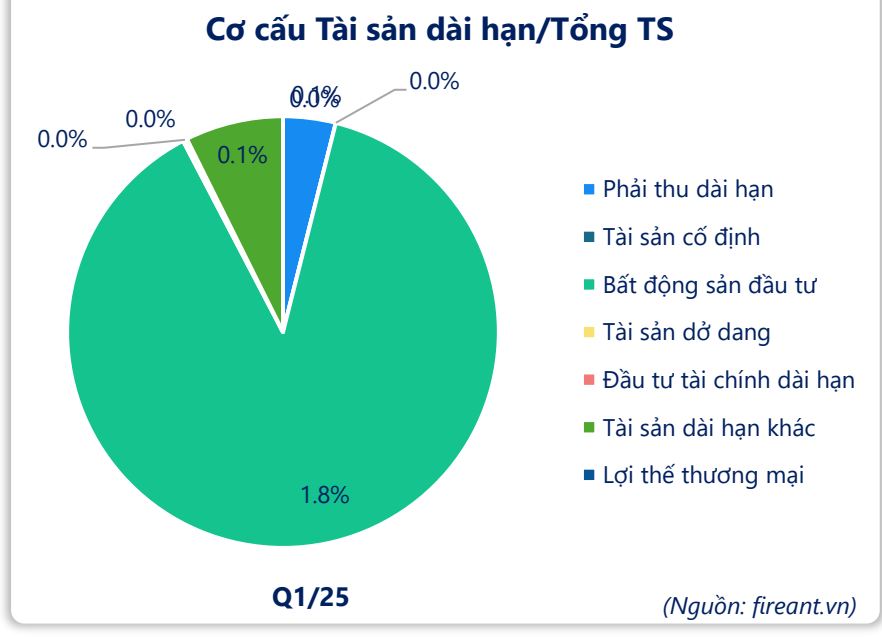
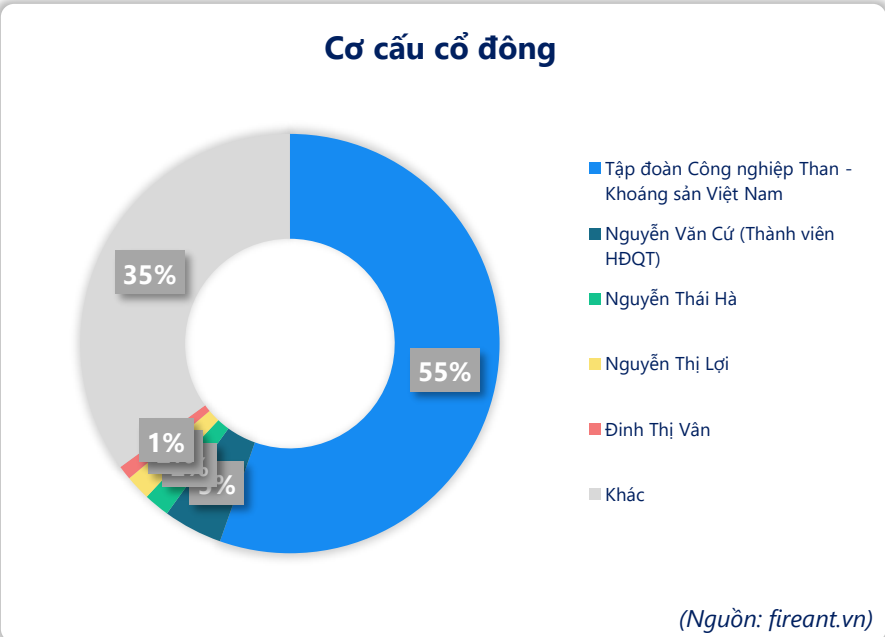
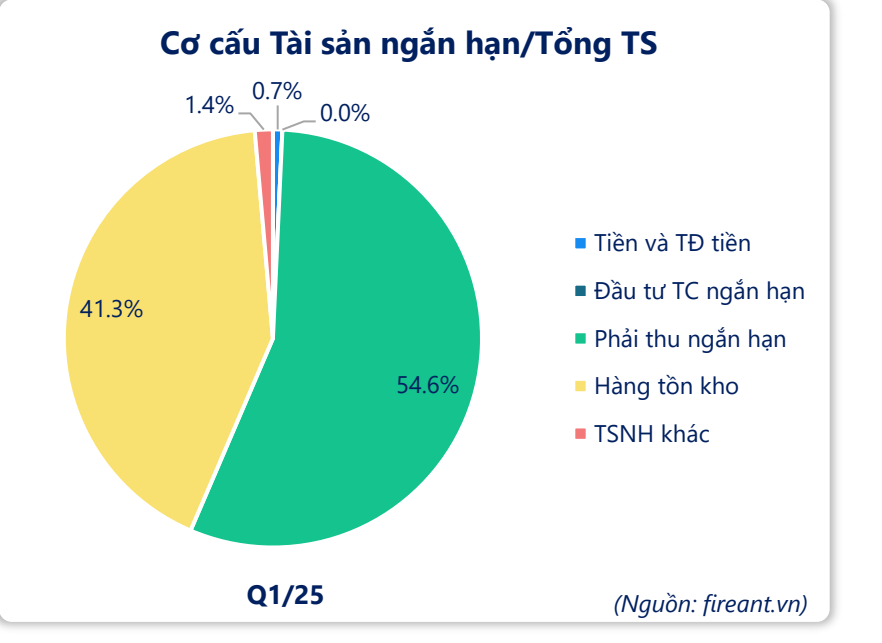
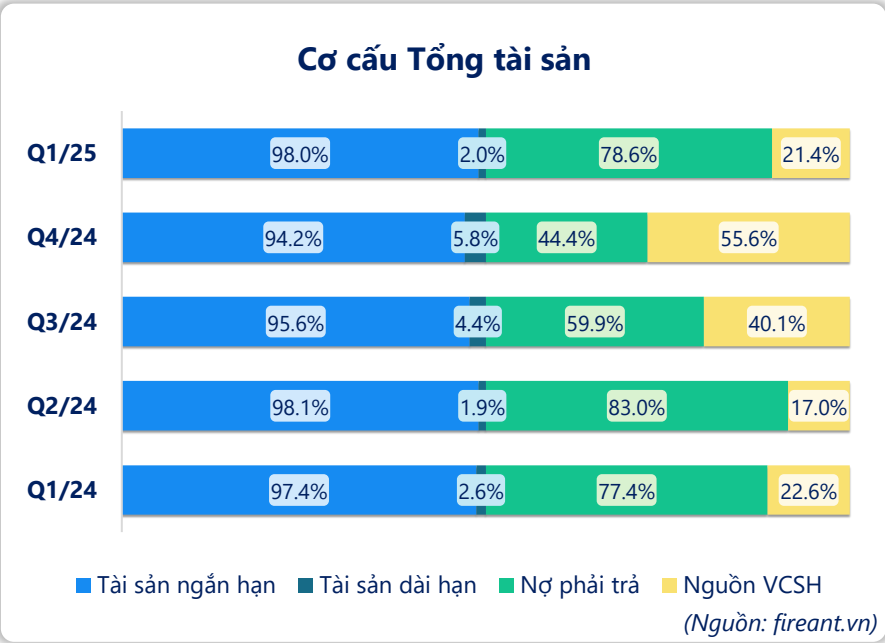
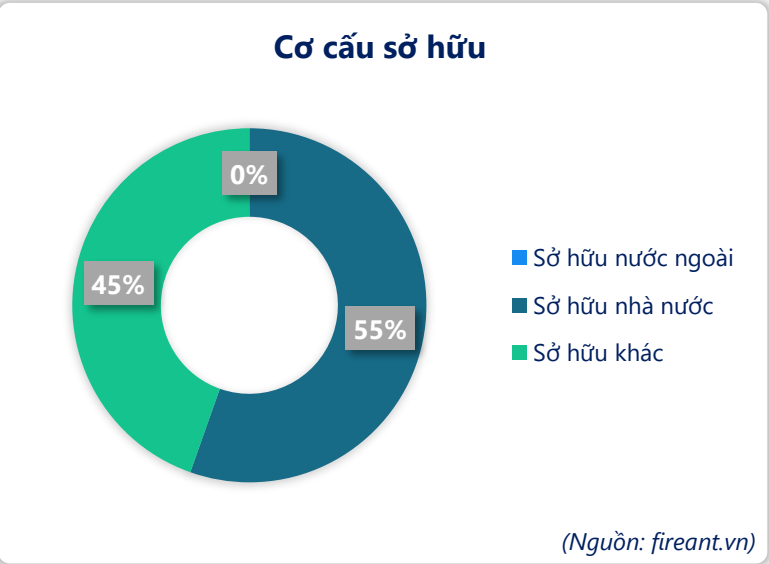
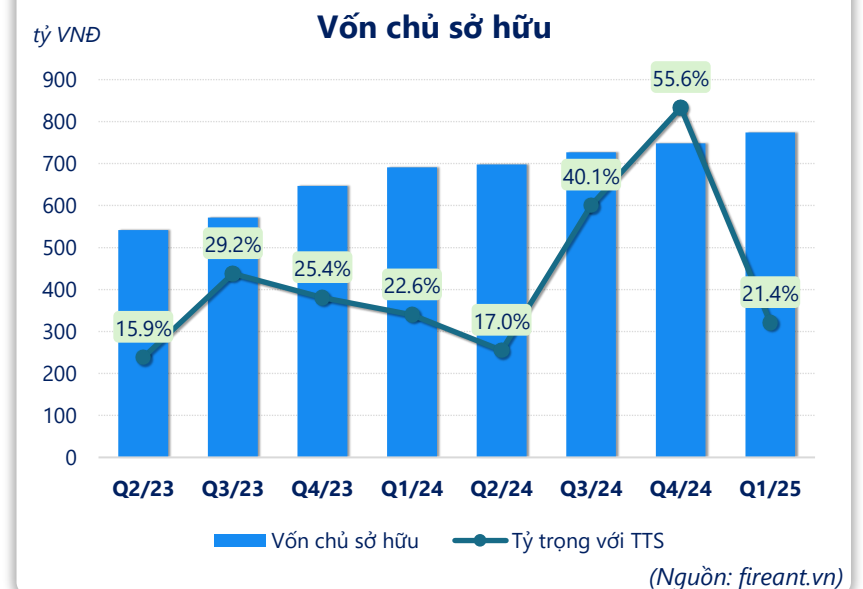
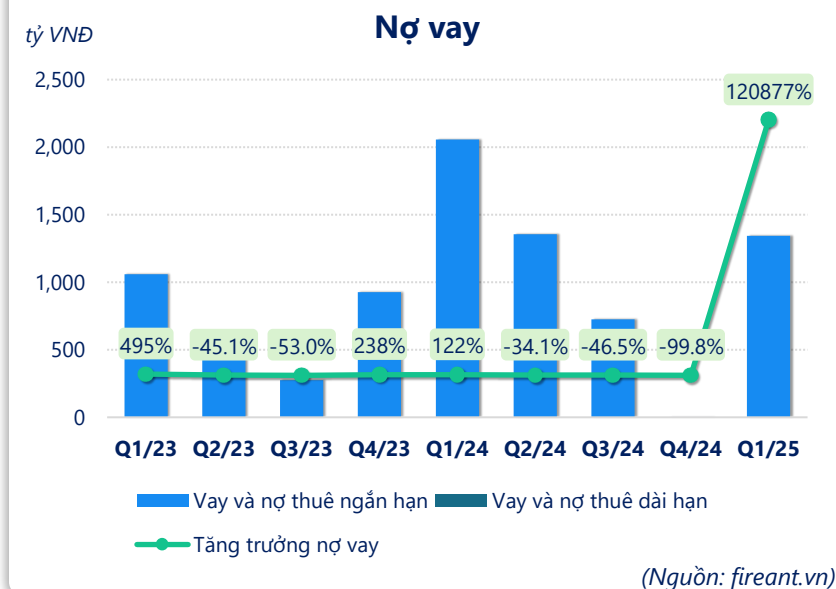
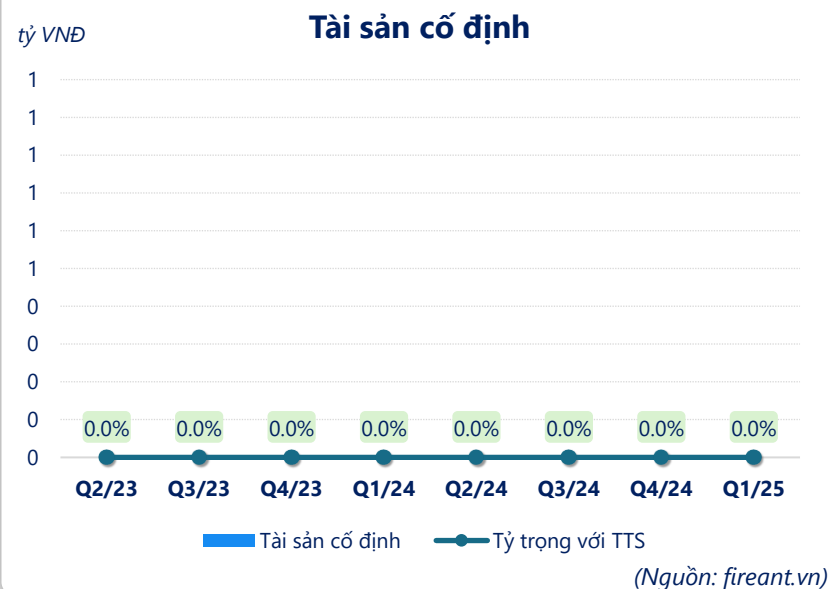
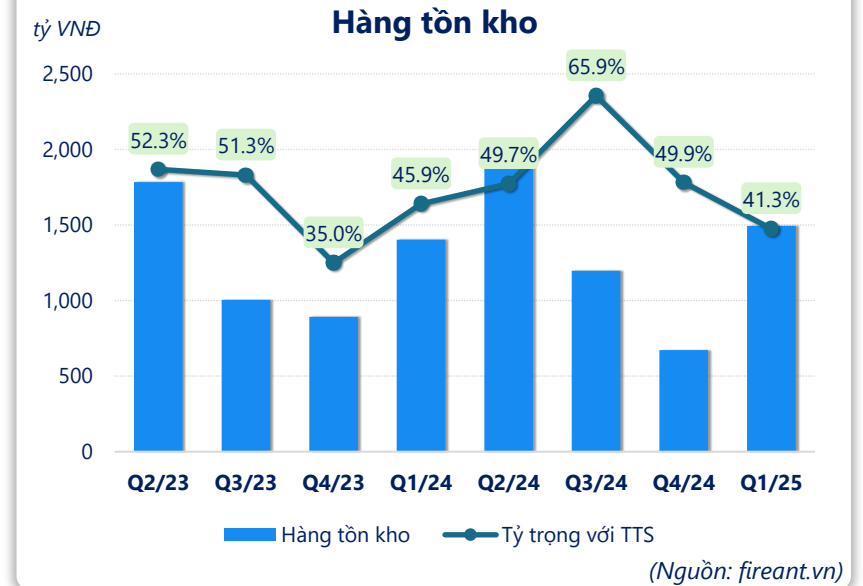
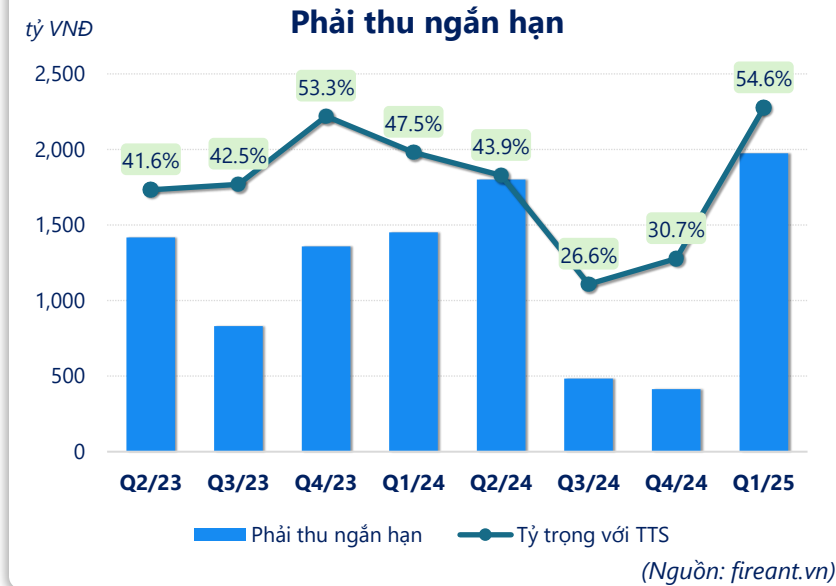
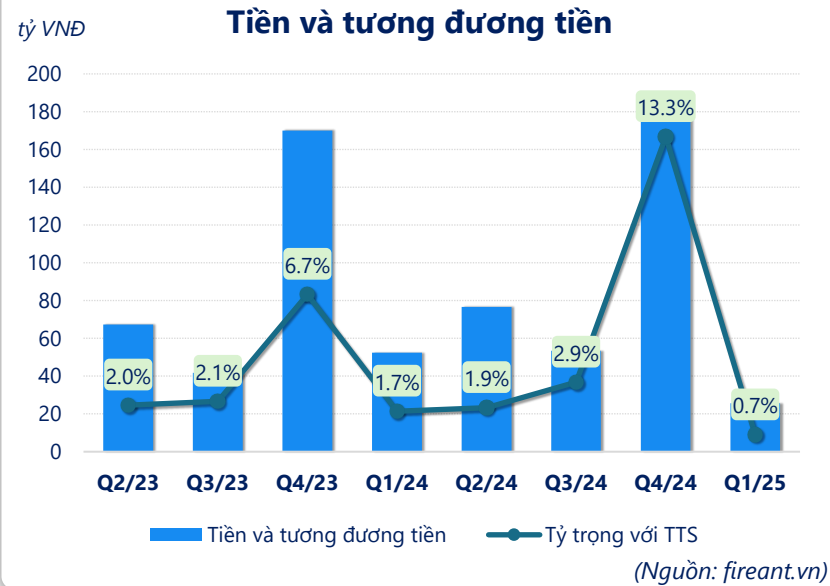
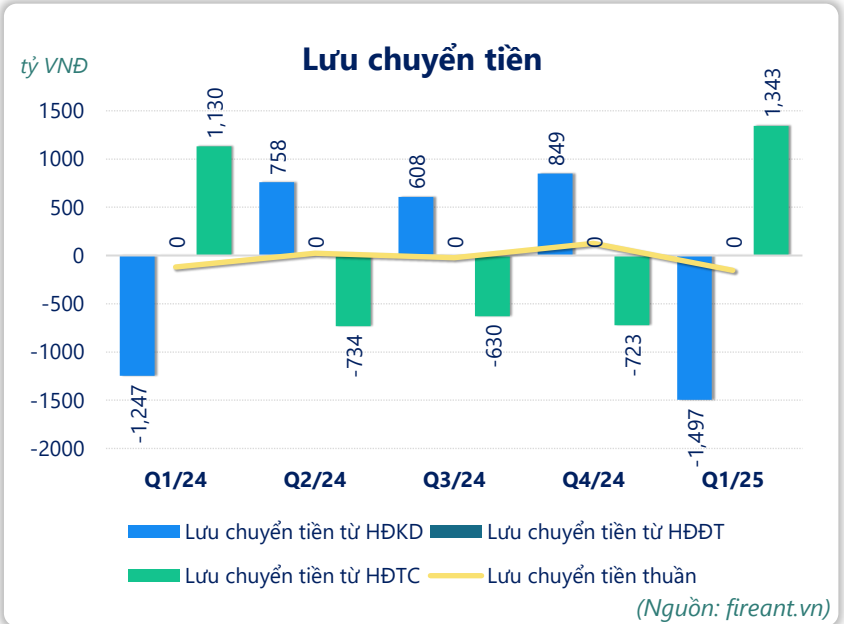
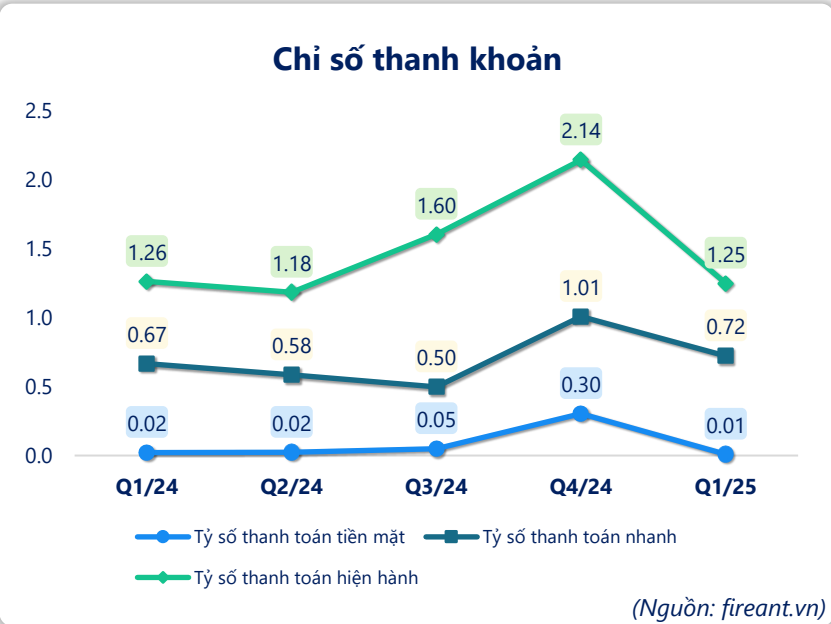
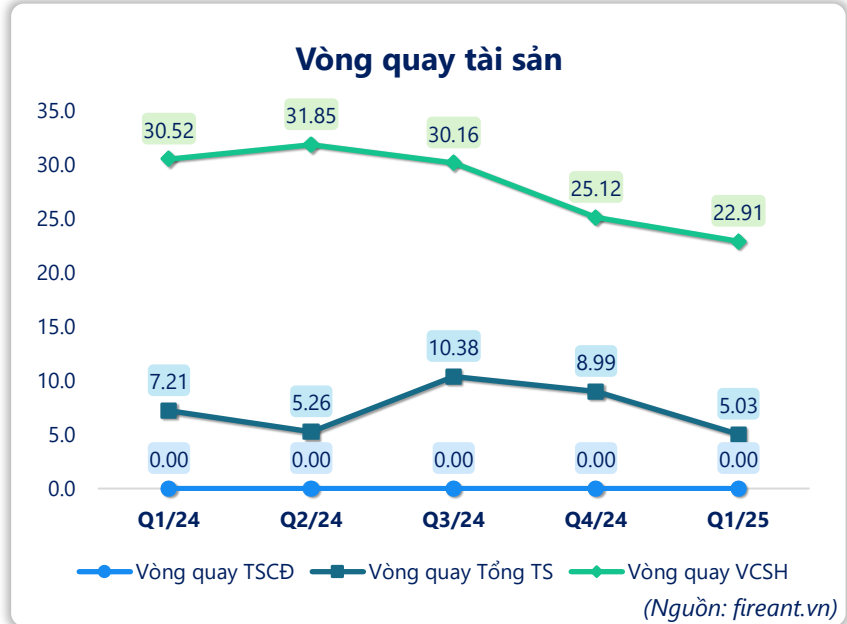
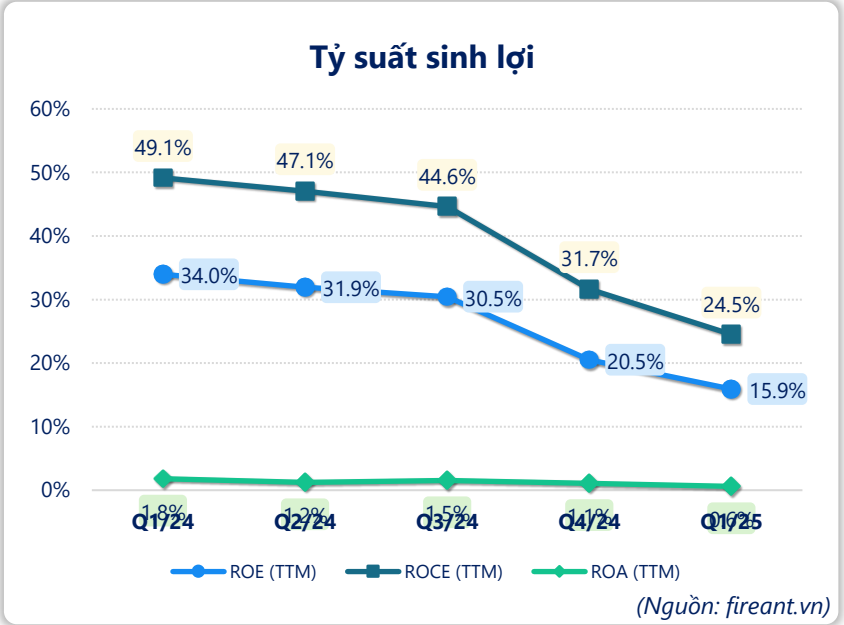
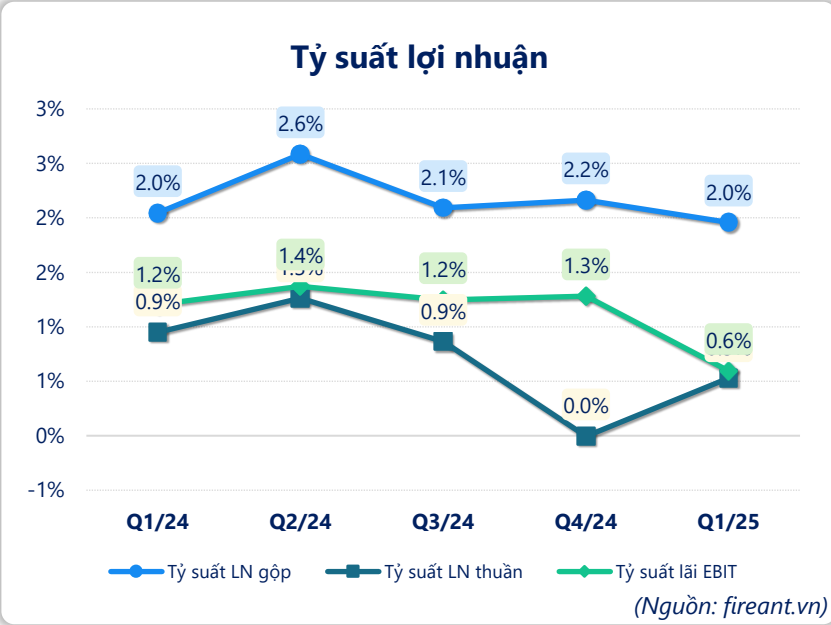
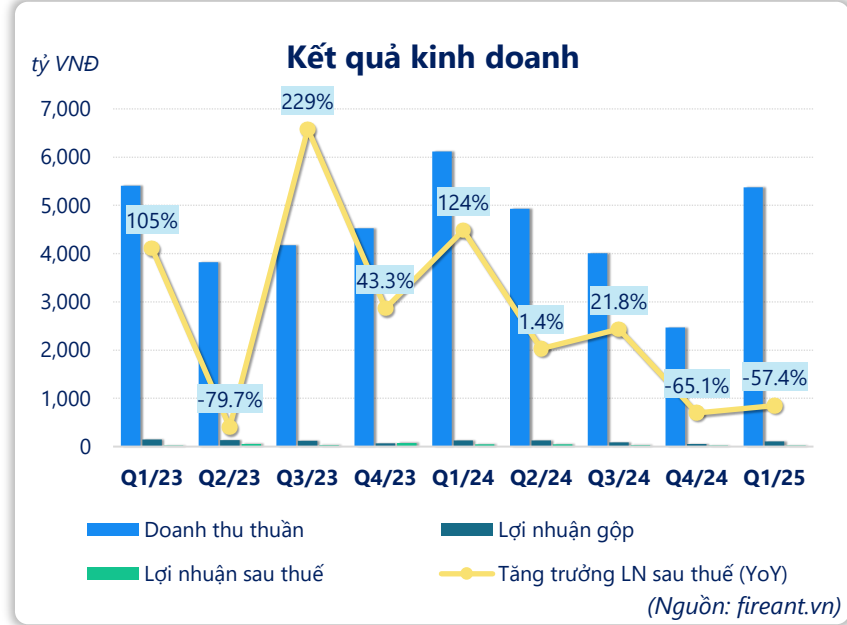


Thông tin giao dịch		31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		82,900
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		91,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		70,228
SL cổ phiếu LH		11,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		960
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		912
P/E		7.8
EPS		10,603

	YTD	1T	3T	6T
CLM	7.2%	4.7%	7.8%	9.1%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	3,617	1,348	168%
Tài sản ngắn hạn	3,544	1,268	180%
Tiền và tương đương tiền	25.7	180	-85.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	1,975	410	382%
Hàng tồn kho	1,494	674	122%
Tài sản ngắn hạn khác	49.3	4.13	1093%
Tài sản dài hạn	72.6	80.6	-9.9%
Phải thu dài hạn	2.86	2.86	0.0%
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	64.2	65.4	-1.8%
Tài sản dở dang	0.23	0.11	103%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	5.34	12.3	-56.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,843	594	378%
Nợ ngắn hạn	2,836	588	383%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,344	1.11	120877%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,317	462	185%
Nợ dài hạn	6.49	6.53	-0.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	774	754	2.7%
Vốn chủ sở hữu	774	754	2.7%
Vốn điều lệ	110	110	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	6,117	4,931	4,006	2,471	5,376
Giá vốn hàng bán	5,992	4,803	3,922	2,418	5,271
Lợi nhuận gộp	125	127	83.8	53.4	105
Doanh thu HĐTC	17.9	4.08	26.9	7.77	9.00
Chi phí TC	24.0	21.2	12.6	4.93	13.1
Chi phí lãi vay	15.2	7.25	11.8	3.14	6.98
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	40.5	22.0	46.5	29.7	50.7
Chi phí QLDN	20.4	26.1	17.1	26.6	22.1
LN thuần từ HĐKD	58.1	62.2	34.6	-0.13	28.4
Lợi nhuận khác	0.34	-1.89	3.49	28.6	-3.43
LN trước thuế	58.4	60.3	38.1	28.5	25.0
Lợi nhuận sau thuế	46.6	46.1	29.0	21.5	20.0
LNST của CĐ cty mẹ	46.6	46.1	29.0	21.5	20.0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,247	758	608	849	-1,497
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.05	0.04	0.04	0.04	0.06
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,130	-734	-630	-723	1,343
Tiền đầu kỳ	170	52.4	76.6	53.4	180
Lưu chuyển tiền thuần	-118	24.3	-22.5	126	-154
Ảnh hưởng tỷ giá	0.14	-0.07	-0.67	0.36	-0.10
Tiền cuối kỳ	52.4	76.6	53.4	180	25.7

(Nguồn: fireant.vn)